TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 11 - 01 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Lên.
Bà Vũ Thị Đức.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; Địa chỉ: Nhà số 157, ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

Bà Lê Thị H, sinh năm 1992 (theo đơn khởi kiện) sinh năm 1991 (theo xác nhận của Công an xã T3 (Địa chỉ: Ấp 1, xã T3, thị xã K, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào ngày 14/6/2019 ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H có vay của bà số tiền 56.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, không cầm cố, thế chấp tài sản và không làm hợp đồng vay tiền, đến ngày 21/01/2020 ông T2, bà H mới làm biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay ông T2, bà H chỉ trả được 5.500.000 đồng tiền gốc ngưng không trả nữa, đã nhiều lần bà S yêu cầu ông T2, bà H trả nợ gốc, lãi nhưng ông T2, bà H không trả mà kéo dài đến nay. Do ông T2, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà S làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T2, bà H phải trả số tiền gốc 50.500.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 12 tháng 01 năm 2020 đến nay, trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 83/TB-TLVA ngày 10/10/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 73/TB-TA ngày 10/10/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 105/TB-TA ngày 16/11/2022 đã tống đạt hợp lệ cho ông T2, bà H theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T2, bà H không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; Địa chỉ: Nhà số 157, ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh L; Bà Lê Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 1, xã T3, thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T2, bà H theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T2, bà H không có mặt. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt ông T2, bà H là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị S khởi kiện ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H yêu cầu trả số tiền gốc và lãi suất được xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bà S yêu cầu ông T2, bà H phải trả số tiền gốc 50.500.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 12 tháng 01 năm 2020 đến ngày 11 tháng 01 năm 2023 cụ thể như sau: 50.500.000 đồng x 1% x 24 tháng = 12.120.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông T2, bà H phải trả cho bà S là 62.620.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà S là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (biên nhận nợ). Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thịc Sóc đối với ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H. Xử ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H phải trả cho bà S tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 62.620.000 đồng là có căn cứ phù hợp với tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2 Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T2, bà H, nhưng ông T2, bà H không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không đến tham gia phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H.

Xử buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền tổng cộng gốc, lãi là 62.620.000 đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H phải chịu 3.131.000 đồng (ba triệu một trăm ba mươi mốt ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà S báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn T2, bà Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út